TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2021/DSST
Ngày: 08/7/2021
V/v: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Dung**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thùy Mỵ** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Xuân Lộc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 và ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 491/2020/TLST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2020 về "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2021/QĐST – DS ngày 07 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng A**

Trụ sở chính: đường N, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Thanh T.** – Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2021.

Địa chỉ liên lạc: đường B, phường T, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Phan Ngọc H. (**tên gọi khác **Phạm Thị H.)**, sinh năm 1975

Địa chỉ: đường L, phường C, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thanh T. trình*

bày: Ngân hàng A – Chi nhánh Sóc Trăng có ký kết với bà Phạm Thị H. 02 hợp đồng cấp tín dụng. Cụ thể:

- Ngày 08/6/2016 ký Hợp đồng tín dụng số SOC.CN.396.08062016 với số tiền vay là 340.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng- Mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Thời hạn cho vay: 120 tháng; Lãi suất trong hạn khi ký Hợp đồng tín dụng: 11%/năm, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Phương thức trả nợ: Nợ gốc và nợ lãi được trả hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng bà H. đã trả được 129.233.000 đồng đến ngày 22/6/2020 thì ngưng không thanh toán. Tổng dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/10/2020 là: 242.321.426 đồng, trong đó nợ gốc là 210.767.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.629.752 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.3773095 đồng, phạt chậm trả lãi là 547.579 đồng.

Ngày 12/02/2018 bà H. tiếp tục ký Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.CN.09.110218 và Khế ước nhận nợ số 256335199 với số tiền vay là 150.000.000 đồng, mục đích vay: Sản xuất kinh doanh – cho vay vốn đầu tư SXKD – Cấp mới. Thời hạn cho vay: 84 tháng; Lãi suất trong hạn khi ký Hợp đồng tín dụng: 11,5%/năm, Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm. Phương thức trả nợ: Nợ gốc và nợ lãi được trả hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng bà H. đã trả được 37.506.000 đồng đến ngày 29/11/2019 thì ngưng không thanh toán. Tổng dư nợ gốc và lãi tính đến ngày 20/10/2020 là: 128.701.652 đồng, trong đó nợ gốc là 112.494.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.148.284 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.548.341 đồng, phạt chậm trả lãi là 511.027 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay bà H. có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SOC.BĐCN.155.080616 ngày 08/6/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SOC.BĐCN.155.080616/SĐBS-01 ngày 12/02/2018. Tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất tại: Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: khóm Kinh Ven, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 222212, số vào sổ cấp GCN: CH00701 do UBND thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/12/2015 và thửa đất số 558, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: ấp Kinh Ven, xã Khánh Hòa, huyện Vĩnh Châu (nay là khóm Kinh Ven, phường Khánh

Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 873283, sổ vào sổ cấp GCN: 81913070043 do UBND huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/02/2008, cập nhật chuyển nhượng cho bà H. ngày 21/12/2015.

Trong quá trình vay vốn bà H. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi khi đến hạn. Phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng nhưng bà H. vẫn không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H. có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 05/7/2021 là: 413.136.489 đồng trong đó nợ gốc là 323.261.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.778.036 đồng, nợ lãi quá hạn 70.510.065 đồng, nợ phạt chậm trả là 3.587.388 đồng. Trường hợp bà H. không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo đã thế chấp để thu hồi nợ.

** Bị đơn bà Phạm Thị H. vắng mặt nên không rõ ý kiến.*

Vụ án không hòa giải được do bị đơn vắng mặt tại các lần hòa giải. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi phạt chậm trả đối với khoản vay ngày 08/6/2016 và ngày 12/02/2018 chỉ yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền đã còn nợ tạm tính đến ngày 05/7/2021 là 409.549.101 đồng trong đó nợ gốc là 323.261.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.778.036 đồng, nợ lãi quá hạn 70.510.065 đồng. Bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc thụ lý của Toà án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, điều tra thu thập chứng cứ đầy đủ, gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng hạn. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định về sự có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đối với bị đơn vắng mặt các lần hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở xem xét chứng cứ và trình bày của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số nợ tạm tính đến ngày 05/7/2021 là 409.549.101 đồng

trong đó nợ gốc là 323.261.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.778.036 đồng, nợ lãi quá hạn 70.510.065 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do phía nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi đối với số tiền 3.587.388 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện giao dịch, bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện nên xác định đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận Ninh Kiều nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – bà Phạm Thị H. được Tòa án triệu tập hợp lệ đăng tin niêm yết công khai trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi của Hợp đồng tín dụng số SOC.CN.396.08062016 ngày 08/6/2016 và Hợp đồng tín dụng số SOC.CN.09.110218 ngày 12/02/2018. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là phù hợp với quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số SOC.CN.396.08062016 ngày 08/6/2016; Khế ước nhận nợ ngày 09/6/2016 và Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.CN.09.110218; Khế ước nhận nợ số 256335199 ngày 12/02/2018 đã thể hiện cụ thể nội dung giữa Ngân hàng A với bà Phạm Thị H. có xác lập giao dịch về tín dụng với tổng số tiền vay là 490.000.000 đồng, mục đích vay: Tiêu dùng-Mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình và sản xuất kinh doanh – cho vay vốn đầu

tư SXKD. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đối với hợp đồng tín dụng ngày 08/6/2016 bà H. đã trả được 129.233.000 đồng đến ngày 22/6/2020 thì ngưng không thanh toán và hợp đồng tín dụng ngày 12/02/2018 trả được 37.506.000 đồng đến ngày 29/11/2019 thì ngưng không thanh toán.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ của hai Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 05/7/2021 là 409.549.101 đồng đồng, trong đó nợ gốc là 323.261.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.778.036 đồng, nợ lãi quá hạn 70.510.065 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

+ Đối với yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay bà H. có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số SOC.BĐCN.155.080616 ngày 08/6/2016 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số SOC.BĐCN.155.080616/SĐBS-01 ngày 12/02/2018. Tài sản thế chấp là các quyền sử dụng đất tại: Thửa đất số 272, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: khóm Kinh Ven, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 222212, số vào sổ cấp GCN: CH00701 do UBND thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/12/2015 và Thửa đất số 558, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: ấp Kinh Ven, xã Khánh Hòa, huyện Vĩnh Châu (nay là khóm Kinh Ven, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 873283, sổ vào sổ cấp GCN: 81913070043 do UBND huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/02/2008, cập nhật chuyển nhượng cho bà H. ngày 21/12/2015. Hợp đồng thế chấp này đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định.

Tại khoản 8.1 của Điều 8 của Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số SOC.BĐCN.155.080616 ngày 08/6/2016 về Xử lý tài sản thế chấp thể hiện nội dung Ngân hàng ACB được quyền xử lý tài sản thế chấp khi nghĩa vụ đến hạn mà bên được cấp tín dụng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định của hợp đồng, bao gồm cả trường hợp thu hồi nợ trước hạn. Thực tế, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho nên việc Nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định là 6.000.000 đồng, nguyên đơn đã tạm nộp, bị đơn có trách nhiệm trả lại theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngày 09/3/2021 phía nguyên đơn có đơn yêu cầu đăng tin niêm yết công khai trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà H.. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí là 6.000.000 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn phải chịu chi phí này, ghi nhận nguyên đơn đã nộp và chi xong.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 180, 184, 217, 218, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

- Buộc bị đơn bà Phan Ngọc H. (tên gọi khác Phạm Thị H.) trả cho nguyên đơn Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến 05/7/2021 là 409.549.101 đồng trong đó nợ gốc là 323.261.000 đồng, nợ lãi trong hạn 15.778.036 đồng, nợ lãi quá hạn 70.510.065 đồng.

Cụ thể theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số SOC.CN.396.08062016 ngày 08/6/2016. Nợ gốc: 210.767.000 đồng; Lãi trong hạn: 10.629.752 đồng; Lãi quá hạn: 46.320.002 đồng.

Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.CN.09.110218 ngày 12/02/2018. Nợ gốc: 112.494.000 đồng; Lãi trong hạn: 5.148.284 đồng; Lãi quá hạn: 24.190.063 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi phạt chậm trả lãi của nguyên đơn đối với hợp đồng tín dụng ngày 08/6/2016 và ngày 12/02/2018.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 06/7/2021 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi hồi nợ như sau:

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 272, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: khóm Kinh Ven, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 222212, số vào sổ cấp GCN: CH00701 do UBND thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/12/2015.

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 558, tờ bản đồ số 08, địa chỉ: ấp Kinh Ven, xã Khánh Hòa, huyện Vĩnh Châu (nay là khóm Kinh Ven, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 873283, sổ vào sổ cấp GCN: 81913070043 do UBND huyện Vĩnh Châu (nay là thị xã Vĩnh Châu), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/02/2008, cập nhật chuyển nhượng cho bà H. ngày 21/12/2015.

2. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng.

3. Về chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu 6.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp và chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 20.381.496 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 9.276.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 003439 ngày 18/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lai Ngọc Trí